

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/8/2020

“V/v tranh chấp về cấp dưỡng cho  
con giữa bà N và ông Q”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Ông Nguyễn Văn Diệu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền -Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2020/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp về cấp dưỡng cho con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N sinh năm 1966

Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn B, huyện P, tỉnh Thái Bình

**- Bị đơn:** Ông Lê Doãn Q sinh năm 1957

Nơi cư trú: Thôn L, xã AN, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bà N và ông Q)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/3/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 20/2008/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình đã quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Doãn Q và bà Nguyễn Thị N. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, về con chung: giao cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị T sinh ngày 27/8/2006, ông Lê Doãn Q nhận đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng bà 80.000 đồng/tháng (*Tám mươi nghìn đồng một tháng*), kể từ tháng 3/2008 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Q có quyền đi lại trông nom và giáo dục con chung. Ngoài ra, còn quyết định về tài sản và án phí.

Mặc dù bà trực tiếp nuôi con Lê Thị T còn ông Lê Doãn Q phải đóng góp phí tổn nuôi con cho bà là 80.000 đồng/tháng (*Tám mươi nghìn đồng một tháng*) nhưng ông Q không tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con mà ông Q chỉ đóng góp được từ năm 10/2017 đến hết tháng 9/2020, còn từ tháng 10/2017 trở về trước ông Q không đóng góp phí tổn nuôi con cho bà, ông Q cũng không đi lại trông nom con chung. Theo bà mức cấp dưỡng 80.000 đồng/tháng (*Tám mươi nghìn đồng một tháng*) như hiện nay là quá thấp, hơn nữa điều kiện kinh tế của bà rất khó khăn, con Thương lại đang trong độ tuổi ăn học rất tốn kém nên bà yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng cho con Lê Thị T là 1.000.000 đồng/tháng (*Một triệu đồng một tháng*), tính từ tháng 10/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử bị đơn ông Lê Doãn Q trình bày:*

Ông xác nhận nội dung quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 20/2008/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình như bà Nguyễn Thị N đã trình bày là đúng.

Ông công nhận kể từ sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông có thăm con chung, ông có đóng góp phí tổn nuôi con từ tháng 10/2017 đến hết tháng 9/2020 theo quy định và ông góp một lần tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, còn những năm trước do điều kiện kinh tế khó khăn ông không đóng góp cho con được.

Nay bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng (*Một triệu đồng một tháng*), tính từ tháng 10.2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông không đồng ý vì tuổi ông đã cao, sức khỏe yếu hơn nữa ngoài làm ruộng ông không còn khoản thu nhập nào khác, ông chỉ đồng ý cấp dưỡng cho con 300.000 đồng/tháng (*Ba trăm nghìn đồng một tháng*).

Ông Lê Doãn Q đề nghị Tòa án miễn tiền án phí cấp dưỡng nuôi con cho ông.

*Kết quả xác minh với cơ sở thôn Dục Linh, xã AN thấy:* Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị N, ông Q vẫn sinh sống tại địa phương và kết hôn với bà Phạm Thị K. Ông Q có thăm nom con Lê Thị T, còn việc cấp dưỡng cho con thì cơ sở thôn không rõ. Mức thu nhập của lao động phổ thông bình quân hiện nay tại địa phương là 80.000 đồng/người/ngày. Ở địa phương ông Q có sản xuất nông nghiệp, nấu rượu và chăn nuôi lợn. Ông Q không thuộc hộ nghèo, hay cận nghèo của địa phương, ông Q cũng không phải nuôi dưỡng ai.

*Kết quả xác minh với cơ sở Tổ A, thị trấn B thấy:* Sau khi ly hôn với ông Lê Doãn Q bà N không kết hôn với ai, hiện tại bà N đang nuôi con Lê Thị Thương, ở địa phương bà N thuộc hộ nghèo, ông Q có thăm nom con chung và cấp dưỡng cho con hay không thì cơ sở không rõ.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; điểm đ khoản 6 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N, buộc ông Lê Doãn Q có trách nhiệm cấp dưỡng cho con Lê Thị T 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Ông Q có quyền đi lại thăm nom con chung; miễn án phí cấp dưỡng cho con cho ông Lê Doãn Q.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện nâng mức cấp dưỡng cho con Lê Thị T đối với ông Lê Doãn Q. Do ông Q là bị đơn cư trú tại Thôn L, xã AN, huyện P, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng cho con: Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 20/2008/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình đã quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa

ông Lê Doãn Q và bà Nguyễn Thị N. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, về con chung: giao cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Tsinh ngày 27/8/2006, ông Lê Doãn Q nhận đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng bà 80.000 đồng/tháng (*Tám mươi nghìn đồng một tháng*), kể từ tháng 3/2008 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Q có quyền đi lại trông nom và giáo dục con chung. Nay bà yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng, tính từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Còn ông Q không đồng ý, tại phiên hòa giải ngày 04/6/2020 ông có ý kiến cấp dưỡng cho con là 160.000 đồng/tháng nhưng tại phiên hòa giải ngày 16/7/2020 và tại phiên tòa ông Q nhận cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng/tháng. Qua xác minh thấy từ sau khi ly hôn, con Lê Thị T ở với bà N, ông Q có thăm nom con chung nhưng thực tế ông Q mới cấp dưỡng cho con từ tháng 10/2017 đến hết tháng 9/2020 là 3 năm mức là 80.000 đồng/tháng. Hiện tại, giá cả sinh hoạt tăng nhiều so với năm 2008, hơn nữa con T ngày một lớn, nhu cầu học tập sinh hoạt tăng lên rất nhiều nên cấp dưỡng như vậy là quá thấp. Qua xác minh tại địa phương cho thấy ngoài sản xuất nông nghiệp ông Q còn chăn nuôi và nấu rượu bán, ngoài cấp dưỡng cho con Thương ông Q không phải cấp dưỡng cho bất kỳ ai, không phải nuôi dưỡng ai, ông Q cũng không thuộc hộ nghèo hay cận nghèo của địa phương nên ông Q đủ điều kiện cấp dưỡng cho con như mức mà bà N yêu cầu. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà N về nâng mức cấp dưỡng cho con Lê Thị Tđối với ông Lê Doãn Q là phù hợp với khoản 2 Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Ông Lê Doãn Q là người cao tuổi nên miễn án phí cấp dưỡng cho con cho ông Lê Doãn Q là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 6 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Doãn Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào vào khoản 2 Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 6 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N: Buộc ông Lê Doãn Q có trách nhiệm cấp dưỡng cho con Lê Thị Tsinh ngày 27/8/2006 là 1.000.000

đồng/tháng (*Một triệu đồng một tháng*). Thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Miễn án phí cấp dưỡng cho con cho ông Lê Doãn Q.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Doãn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Q Phụ;
- UBND xã AN, h.Q Phụ;
- UBND thị trấn B, h.Q Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Duyên**  
*(Đã ký)*